

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Tháng 04 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện					
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	(6.286.565.303)	1.228.837.237	(3.357.808.294)	15.406.964.208
1	Cổ tức được nhận	135.219.600	1.533.407.600	539.290.000	1.756.897.400
2	Lãi trái phiếu được nhận	467.526.082	2.152.124.876	1.507.531.562	8.095.742.685
3	Lãi tiền gửi	1.592.610.002	6.028.100.029	-	167.616.111
4	Thu nhập bán chứng khoán	(8.481.920.987)	(8.484.795.268)	(5.404.629.856)	5.386.708.012
5	Thu nhập khác	-	-	-	-
II	Chi phí	981.301.636	4.426.791.421	801.638.192	4.155.782.979
1	Phí Quản lý Quỹ	703.172.047	2.841.053.497	769.905.743	3.027.734.738
2	Phí lưu ký, giám sát, quản lý tài sản Quỹ	28.830.054	116.483.193	30.796.230	121.109.389
3	Chi phí họp, đại hội	188.628.000	943.140.000	-	627.297.840
4	Chi phí Kiểm toán	2.454.540	2.454.540	-	-
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	-	-	-	-
6	Phí in báo cáo thường niên	54.278.400	271.392.000	-	-
7	Các loại phí khác	3.938.595	252.268.191	936.219	379.641.012
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	(7.267.866.939)	(3.197.954.184)	(4.159.446.486)	11.251.181.229
B. Xác định kết quả chưa thực hiện					
I	Thu nhập	11.655.075.710	19.289.486.494	13.870.141.665	19.026.991.152
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	11.655.075.710	19.289.486.494	13.870.141.665	19.026.991.152
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
II	Chi phí	-	30.467.207.581	-	22.798.951.700
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	-	30.467.207.581	-	22.798.951.700
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	11.655.075.710	(11.177.721.087)	13.870.141.665	(3.771.960.548)



PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Người lập biểu

Le T. Thúy Nhung

Công ty quản lý quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng
Giao dịch Quản lý Quỹ

Trần T. Kiều Quên

Giám đốc



Henk Ruitenberg

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ
Tháng 04 năm 2011

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 09/05/2011

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 16600
Giới: Ngày 10 tháng 05 năm 11.

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I.1	Tiền	145.287.561.091	139.950.833.638	5.336.727.453
I.2	Các khoản Đầu tư	271.442.098.972	274.534.081.644	(3.091.982.672)
I.2.1	Trái phiếu	50.868.844.272	46.374.973.244	4.493.871.028
I.2.2	Cổ phiếu	220.573.254.700	228.159.108.400	(7.585.853.700)
I.2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	208.105.954.700	215.542.708.400	(7.436.753.700)
I.2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	12.467.300.000	12.616.400.000	(149.100.000)
I.2.3	Chứng khoán khác	-	-	-
	Quyền mua cổ phiếu	-	-	-
I.3	Cổ tức sẽ được nhận	65.219.600	67.425.000	(2.205.400)
I.4	Lãi sẽ được nhận	1.998.394.212	3.868.616.515	(1.870.222.303)
I.5	Tiền bán Chứng khoán phải thu	8.618.405.646	-	8.618.405.646
I.6	Các khoản phải thu khác	-	153.207.250	(153.207.250)
I.7	Các Tài sản khác	-	-	-
	Đặt cọc mua cổ phiếu	-	-	-
I.8	Tổng Tài sản	427.411.679.521	418.574.164.047	8.837.515.474
STT	Nợ			
II.1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	4.836.425.355	-	4.836.425.355
II.2	Các khoản phải trả khác	1.404.028.132	1.790.146.784	(386.118.652)
II.2.1	Phí quản lý	703.172.047	695.847.324	7.324.723
II.2.2	Phí lưu ký, giám sát	28.830.054	28.529.740	300.314
II.2.3	Phải trả phí kiểm toán	-	29.815.500	(29.815.500)
II.2.4	Phải trả thuế thu nhập cá nhân	3.344.000	32.551.500	(29.207.500)
II.2.5	Phải trả khác	668.682.031	1.003.402.720	(334.720.689)
II.3	Tổng nợ	6.240.453.487	1.790.146.784	4.450.306.703
STT	Các chỉ tiêu khác			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)	421.171.226.034	416.784.017.263	4.387.208.771
III.2	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ	1,48%	0,43%	1,05%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	50.000.000	50.000.000	-
III.4	Giá trị tài sản ròng NAV của một Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	8.423	8.336	88



PHAN THỊ HUYNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Khách hàng



Henk Ruitenber

7/11



BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tháng 04 năm 2011

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 09/05/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	416.784.017.263	418.970.204.352
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	4.387.208.771	(2.186.187.089)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	4.387.208.771	(2.186.187.089)
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	421.171.226.034	416.784.017.263
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	8.423	8.336



Ngân hàng giám sát

PHAN THỊ HUỲNH ĐẠO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Henk Ruitenberg